

Số: 49/2024/QĐ-UBND

Vĩnh Long, ngày 19 tháng 11 năm 2024

QUYẾT ĐỊNH

Quy định khung giá cho thuê nhà ở xã hội được đầu tư xây dựng không bằng vốn đầu tư công, nguồn tài chính công đoàn trên địa bàn tỉnh Vĩnh Long

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH VĨNH LONG

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ khoản 3, khoản 5 Điều 87 Luật Nhà ở ngày 27 tháng 11 năm 2023; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Đất đai số 31/2024/QH15, Luật Nhà ở số 27/2023/QH15, Luật Kinh doanh bất động sản số 29/2023/QH15 và Luật Các tổ chức tín dụng số 32/2024/QH15 ngày 29 tháng 6 năm 2024;

Căn cứ Nghị định số 100/2024/NĐ-CP ngày 26 tháng 7 năm 2024 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Nhà ở về phát triển và quản lý nhà ở xã hội;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Xây dựng.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Quyết định này quy định khung giá cho thuê nhà ở xã hội được đầu tư xây dựng không bằng vốn đầu tư công, nguồn tài chính công đoàn trên địa bàn tỉnh Vĩnh Long.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

- Tổ chức, cá nhân, hộ gia đình, chủ đầu tư xây dựng nhà ở xã hội không bằng vốn đầu tư công, nguồn tài chính công đoàn trên địa bàn tỉnh Vĩnh Long.
- Các đối tượng được thuê nhà ở xã hội theo quy định của Luật Nhà ở.
- Các cơ quan, tổ chức, cá nhân khác có liên quan đến quy định khung giá cho thuê nhà ở xã hội được đầu tư xây dựng không bằng vốn đầu tư công, nguồn tài chính công đoàn trên địa bàn tỉnh.

Điều 3. Quy định khung giá cho thuê nhà ở xã hội được đầu tư xây dựng không bằng vốn đầu tư công, nguồn tài chính công đoàn trên địa bàn tỉnh Vĩnh Long.

Đơn vị tính: đồng/m² sàn sử dụng/tháng

TT	Loại nhà	Giá tối thiểu	Giá tối đa
1	Nhà ở riêng lẻ 01 tầng, căn hộ khép kín, kết cấu tường gạch chịu lực, mái Bê tông cốt thép đổ tại chỗ	45.800	100.100
	Nhà ở riêng lẻ từ 02 đến 03 tầng, kết cấu khung chịu lực Bê tông cốt thép, tường bao		

2	xây gạch, sàn mái Bê tông cốt thép đổ tại chỗ không tầng hầm	70.300	153.600
3	Nhà ở chung cư ≤ 5 tầng (không tầng hầm)	67.000	146.400
4	Chung cư từ 6 đến ≤ 7 tầng (không có tầng hầm)	86.300	188.600
5	Chung cư từ 8 đến ≤ 10 tầng (không có tầng hầm)	88.900	194.300
6	Chung cư từ 11 đến ≤ 15 tầng (không có tầng hầm)	93.100	203.600

Khung giá này đã bao gồm chi phí bảo trì và thuế giá trị gia tăng 5%.

Điều 4. Tổ chức thi hành

1. Quyết định có hiệu lực kể từ ngày 02 tháng 12 năm 2024.

2. Sở Xây dựng có trách nhiệm theo dõi, cập nhật các khó khăn, vướng mắc của các cơ quan, tổ chức, cá nhân trong quá trình thực hiện; khi có thay đổi, biến động đến giá cho thuê thì tham mưu đề xuất Ủy ban nhân dân tỉnh điều chỉnh cho phù hợp.

3. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, Giám đốc các Sở: Xây dựng; Tài chính; Tài nguyên và Môi trường; Kế hoạch và Đầu tư; thủ trưởng các sở, ngành có liên quan, Cục trưởng Cục Thuế tỉnh, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố và các cơ quan, tổ chức, cá nhân khác có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

Nơi nhận:

- Như khoản 3 Điều 4;
- Bộ Xây dựng;
- Cục kiểm tra VBQPPL-Bộ Tư Pháp;
- Thường trực Tỉnh ủy;
- HĐND tỉnh;
- Đoàn Đại biểu Quốc hội tỉnh;
- CT, các PCT UBND tỉnh;
- Trung tâm Công báo tỉnh;
- Sở Tư pháp;
- Lưu: VT.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH